

CÂU HỎI ÔN TẬP
MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG – AN NINH
(HỌC PHẦN 2)

BÀI 1.

**PHÒNG, CHỐNG CHIẾN LƯỢC “DIỄN BIẾN HÒA BÌNH”,
BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH
ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM**

Câu 1: "Diễn biến hoà bình" là gì:

- A. Là chiến lược cơ bản nhằm lật đổ chế độ chính quyền của các nước từ bên trong bằng biện pháp phi vũ trang do chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động tiến hành.
- B. Là chiến lược cơ bản nhằm lật đổ chế độ của các nước tiến bộ, từ bên trong bằng biện pháp quân sự do chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động tiến hành.
- C. Là chiến lược cơ bản nhằm lật đổ chế độ chính trị của các nước tiến bộ từ bên trong bằng biện pháp phi quân sự do thế lực thù địch, phản động tiến hành.
- D. Là chiến lược cơ bản nhằm lật đổ chế độ chính quyền của các nước từ bên trong bằng biện pháp phi vũ trang.

Câu 2: Trong chiến lược "Diễn biến hoà bình", kẻ thù sử dụng các thủ đoạn phá hoại về:

- A. Kinh tế, tư tưởng, văn hoá, xã hội, đối ngoại, an ninh.
- B. Chính trị, tư tưởng, văn hoá, xã hội, đối ngoại, an ninh.
- C. Kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hoá, xã hội đối ngoại, an ninh.
- D. Đối ngoại, an ninh, kinh tế, chính trị.

Câu 3: Bạo loạn lật đổ gồm có những hình thức nào:

- A. Bạo loạn chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang và gây rối.
- B. Bạo loạn vũ trang kết hợp với bạo loạn chính trị và gây rối.
- C. Bạo loạn chính trị, bạo loạn vũ trang, kết hợp bạo loạn chính trị với vũ trang.
- D. Bạo loạn chính trị kết hợp với gây rối và vũ trang.

Câu 4: Quan hệ giữa “Diễn biến hoà bình” và bạo loạn lật đổ như thế nào?

- A. Diễn biến hoà bình và bạo loạn lật đổ là hai hình thức tồn tại riêng biệt.
- B. Diễn biến hoà bình là quá trình tạo nên những điều kiện, thời cơ cho bạo loạn lật đổ.
- C. Diễn biến hoà bình là nguyên nhân duy nhất của bạo loạn lật đổ.
- D. Diễn biến hoà bình là bước kế tiếp của bạo loạn lật đổ.

Câu 5: Mục tiêu của các thế lực thù địch thực hiện “Diễn biến hoà bình” chống phá cách mạng Việt Nam

- A. Xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, xoá bỏ chế độ XHCN.
- B. Xoá bỏ chế độ XHCN, chuyển hoá nước ta theo con đường tư bản chủ nghĩa.
- C. Xoá bỏ sự lãnh đạo của Đảng và buộc ta lệ thuộc vào chúng.

D. Xóa bỏ nhà nước XHCN và buộc ta chấp nhận các điều kiện của chúng.

Câu 6: Mục đích chống phá về kinh tế của các thế lực thù địch đối với nước ta là gì?

A. Chuyển hoá nền kinh tế Việt Nam, gây sức ép chính trị, cấm viện trợ, chuyên giao công nghệ.

B. Ngăn cản sự giúp đỡ, viện trợ, chuyên giao công nghệ của các nước để gây sức ép chính trị.

C. Khích lệ kinh tế nhà nước phát triển trở thành thành phần kinh tế chủ đạo.

D. Chuyển hoá nền kinh tế Việt Nam theo quỹ đạo kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa.

Câu 7: Một trong những thủ đoạn chống phá về kinh tế của chiến lược “Diễn biến hoà bình”:

A. Khích lệ thành phần kinh tế tư nhân phát triển, từng bước làm mất vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế Nhà nước.

B. Khích lệ kinh tế 100% vốn nước ngoài phát triển, làm mất vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế Nhà nước.

C. Khích lệ kinh tế cá thể, tiểu chủ phát triển, làm mất vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế Nhà nước.

D. Khích lệ kinh tế tư bản Nhà nước phát triển, làm mất vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế Nhà nước.

Câu 8: Một trong những thủ đoạn kẻ thù thực hiện chống phá ta về chính trị trong chiến lược “Diễn biến hoà bình”:

A. Phá vỡ mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

B. Chia rẽ khối đại đoàn kết các dân tộc, tôn giáo.

C. Phá hoại quan hệ ngoại giao của Việt Nam với các nước.

D. Kích động đòi thực hiện chế độ “đa nguyên chính trị, đa Đảng đối lập”.

Câu 9: Một trong những mục tiêu chống phá về chính trị trong chiến lược “Diễn biến hoà bình”

A. Xóa bỏ nền văn hóa Việt Nam.

B. Chia rẽ các dân tộc, các tôn giáo.

C. Làm chuyển hướng nền kinh tế của ta.

D. Xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 10: Một trong những thủ đoạn chống phá về chính trị trong chiến lược “Diễn biến hoà bình”

A. Tận dụng những sơ hở trong đường lối của Đảng, chính sách của nhà nước ta, sẵn sàng can thiệp trắng trợn bằng sức mạnh quân sự để lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

B. Tận dụng những sơ hở trong đường lối của Đảng, sẵn sàng can thiệp trắng trợn bằng sức mạnh kinh tế để lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

C. Phá hoại, tận dụng những sơ hở trong đường lối của Đảng, sẵn sàng can thiệp trắng trợn bằng sức mạnh kinh tế để lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

D. Phá hoại, xuyên tạc đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước ta.

Câu 11: Một trong những mục tiêu chống phá ta về tư tưởng-văn hoá trong chiến lược “Diễn biến hoà bình” bạo loạn lật đổ của thế lực thù địch:

- A. Xoá bỏ chủ nghĩa Mác – Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.
- B. Phá hoại sự đoàn kết của toàn đảng, toàn quân, toàn dân.
- C. Phá hoại nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng và Nhà nước ta.
- D. Phá hoại, xuyên tạc đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước ta.

Câu 12: Thực hiện thủ đoạn “Diễn biến hoà bình” về văn hoá, kẻ thù tập trung tấn công:

- A. Vào các nhà văn, nhà thơ, nghệ sĩ của Việt Nam.
- B. Vào những sản phẩm văn hoá vật chất quý báu của dân tộc Việt Nam.
- C. Vào bản sắc văn hoá và giá trị văn hoá của dân tộc Việt Nam.
- D. Vào những sản phẩm văn hóa tinh thần của dân tộc Việt Nam

Câu 13: Thực hiện thủ đoạn “Diễn biến hoà bình” về văn hoá, kẻ thù tập trung tấn công nhằm mục đích gì?

- A. Phá vỡ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam, ra sức truyền bá tư tưởng tư sản vào các tầng lớp nhân dân.
- B. Phá vỡ tư tưởng phong kiến còn tồn tại trong đời sống nhân dân để thay thế bằng hệ tư tưởng tư sản.
- C. Truyền bá những yếu tố tích cực trong văn hóa tư sản vào thể hệ trẻ của Việt Nam để tạo sự thống nhất về văn hóa.
- D. Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, có sự tương đồng về văn hóa với các nước tư sản.

Câu 14: Thực hiện thủ đoạn “Diễn biến hoà bình” về văn hoá, kẻ thù lợi dụng việc mở rộng hợp tác quốc tế nhằm mục đích gì?

- A. Du nhập những sản phẩm văn hoá đồi trụy, lối sống phương Tây, để kích động lối sống tư bản trong thanh niên từng bước làm phai mờ bản sắc văn hoá và giá trị văn hoá của dân tộc Việt Nam.
- B. Du nhập lối sống phương Tây để trang bị lối sống thực dụng, hiệu quả trong thanh niên nhằm thay thế những mặt lạc hậu trong bản sắc văn hoá của dân tộc Việt Nam.
- C. Du nhập những sản phẩm văn hoá phương Tây để cho lối sống phương Tây trở thành lối sống chủ đạo của người dân Việt Nam.
- D. Nhằm giới thiệu các sản phẩm văn hóa của phương tây đến với cộng đồng Việt Nam, qua đó khẳng định sức mạnh văn hóa của phương Tây.

Câu 15: Thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tôn giáo – dân tộc:

- A. Để phát triển tín đồ và các tôn giáo mới.
- B. Tài trợ cho bọn phản động đội lốt tôn giáo.
- C. Tuyên truyền rao rằng tư tưởng chống cộng trong giáo dân.
- D. Cả A, B, C

Câu 16: Một trong những thủ đoạn chống phá của kẻ thù trên lĩnh vực dân tộc:

- A. Lừa đảo, chiếm đoạt tài sản của bà con.
- B. Lợi dụng các hủ tục lạc hậu của đồng bào dân tộc trực lợi.
- C. Lợi dụng tư tưởng đòi li khai, tự quyết dân tộc để kích động.

D. Lợi dụng sự thiếu hiểu biết của bà con để mua chuộc, ép buộc bà con để buôn bán ma túy, buôn người.

Câu 17: Các thế lực thù địch lợi dụng xu thế mở rộng, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực QP&AN nhằm mục đích:

- A. Thực hiện xâm nhập, tăng cường hoạt động tình báo thu thập bí mật quốc gia.
- B. Đòi phi chính trị hóa đối với lực lượng Quân đội nhân dân Việt Nam
- C. Trao đổi mua bán vũ khí.
- D. Tuyển chọn, bổ sung lực lượng đánh thuê cho thế lực thù địch.

Câu 18: Một trong những âm mưu chống phá trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh:

- A. Tách quân đội, công an với các tổ chức chính trị xã hội khác
- B. Xóa bỏ nghệ thuật quân sự Việt Nam, truyền bá tư tưởng quân sự tư sản vào trong các lực lượng vũ trang.
- C. Xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh
- D. Thay thế hệ vũ khí hiện có của Quân đội nhân dân Việt Nam bằng các hệ vũ khí lạc hậu, làm giảm khả năng chiến đấu của quân đội.

Câu 19: Trong chiến lược Diễn biến hòa bình, đối với lực lượng Quân đội và Công an, các thế lực thù địch chủ trương:

- A. Đòi “phi chính trị hóa” đối với lực lượng quân đội, công an nhân dân Việt Nam.
- B. Đầu tư cho quân đội và công an làm kinh tế, từ đó buông lỏng nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu.
- C. Lôi kéo và tạo điều kiện cho lực lượng trong quân đội giải ngũ để làm việc cho các doanh nghiệp nước ngoài
- D. Tổ chức tấn công phủ đầu bằng quân sự, tiêu diệt nhanh chóng lực lượng quân đội và công an của ta khi có thời cơ

Câu 20: Một trong những thủ đoạn cơ bản chống phá trên lĩnh vực đối ngoại trong chiến lược “Diễn biến hoà bình” của thế lực thù địch:

- A. Đề cao uy tín của Việt Nam với thế giới để Việt Nam rơi vào tình trạng chủ quan, mất cảnh giác.
- B. Chia rẽ Việt Nam với các nước láng giềng và ủng hộ Việt Nam trở thành đối tác chiến lược của các nước tư bản.
- C. Thực hiện chính sách ngoại giao cây tre, khi Việt Nam mạnh thì ngả về Việt Nam, khi Việt Nam gặp khó khăn thì chống phá.
- D. Chia rẽ Việt Nam với Lào, Campuchia và các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 21: Trên lĩnh vực đối ngoại, các thế lực thù địch lợi dụng chủ trương Việt Nam mở rộng hội nhập quốc tế, mở rộng quan hệ hợp tác với các nước trên thế giới để:

- A. Hướng Việt Nam đi theo quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản

- B. Giúp Việt Nam phát triển.
- C. Kéo Việt Nam thụt lùi về kinh tế.
- D. Khống chế Việt Nam về kinh tế.

Câu 22: Trong các thủ đoạn sau, thủ đoạn nào không phải của chiến lược diễn biến hòa bình?

- A. Xuyên nhập về văn hóa
- B. Phát động chiến tranh hạt nhân
- C. Chống phá về chính trị tư tưởng
- D. Vô hiệu hóa lực lượng vũ trang

Câu 23: Trong quá trình bạo loạn, bọn phản động tìm mọi cách để:

A. Mở rộng quy mô, lực lượng, đòi tăng lương, giảm giờ làm cho công chức, đòi ruộng đất cho nông dân.

B. Mở rộng phạm vi, quy mô, lực lượng, kêu gọi tài trợ của nước ngoài.

C. Mở rộng phạm vi, quy mô, lực lượng, đập phá trụ sở để cướp tài sản.

D. Mở rộng phạm vi, quy mô, lực lượng, đập phá trụ sở, đòi cải thiện cách thức làm việc của chính quyền địa phương.

Câu 24: Nguyên tắc xử lý khi có bạo loạn diễn ra là:

A. Nhanh gọn, kiên quyết, linh hoạt, đúng đối tượng, sử dụng lực lượng và phương thức đấu tranh phù hợp, không để lan rộng, kéo dài.

B. Nhanh gọn, kiên quyết, triệt để đúng đối tượng, không để lan rộng, kéo dài.

C. Nhanh gọn, khôn khéo, đúng đối tượng, sử dụng lực lượng phù hợp, không để lan rộng, kéo dài.

D. Nhanh gọn, kiên quyết, linh hoạt, mềm dẻo đúng đối tượng, không để lan rộng, kéo dài.

Câu 25: Một trong những mục tiêu phòng chống chiến lược “Diễn biến hoà bình”:

A. Làm thất bại chiến lược diễn biến hòa bình, làm cho thế lực thù địch khiếp sợ, từ bỏ việc chống phá nước ta mà phụ thuộc vào ta.

B. Giữ vững ổn định chính trị - xã hội của đất nước tạo môi trường hoà bình để đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước

C. Chứng minh cho thế giới thấy sự phát triển của Việt Nam là đúng đắn, không bị ảnh hưởng bởi sự chống phá của bất kỳ kẻ thù nào.

D. Tiêu diệt hết những lực lượng sử dụng diễn biến hòa bình để chống phá nước ta.

Câu 26: Nhiệm vụ phòng chống chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ được xác định là:

A. Nhiệm vụ cấp bách hàng đầu trong các nhiệm vụ QP&AN hiện nay và là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài.

B. Nhiệm vụ chủ yếu trước mắt trong các nhiệm vụ QP- AN ở nước ta hiện nay.

C. Nhiệm vụ cơ bản lâu dài trong các nhiệm vụ QP- AN ở nước ta hiện nay.

D. Nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu và là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài.

Câu 27: Phòng chống chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ cần:

- A. phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân cả trong và ngoài nước, trong đó sức mạnh bên ngoài là quyết định.
- B. phát huy sức mạnh của lực lượng quân đội và công an, trở thành lực lượng chủ yếu để phòng, chống diễn biến hòa bình
- C. phát huy sức mạnh của hệ thống công quyền Việt Nam, trở thành nòng cốt, đi đầu trong phòng, chống chiến lược diễn biến hòa bình.
- D. Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 28: Bản chất của cuộc đấu tranh phòng, chống chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ trong giai đoạn hiện nay là gì?

- A. Là sự chống phá các nước Xã hội Chủ nghĩa và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước tiến bộ trên thế giới.
- B. Là sự chống phá tất cả các nước không theo quỹ đạo chung của Mỹ, không tuân thủ trật tự mà đề quốc Mỹ và các thế lực phản động sắp đặt
- C. Là cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc trong giai đoạn mới giữa chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động với chủ nghĩa xã hội và phong trào tiến bộ trên thế giới.
- D. Là cuộc chiến tranh không tiếng súng trên mọi lĩnh vực đối với những đối tượng tác chiến chủ yếu của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động trên thế giới.

Câu 29: Để phát huy sức mạnh phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, cần chú trọng biện pháp nào?

- A. Làm cho mỗi người dân là một pháo đài bất khả xâm phạm trước mọi âm mưu “Diễn biến hòa bình” của địch.
- B. Đẩy mạnh xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa đang trong giai đoạn hiện nay.
- C. Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân.
- D. Vận động nhân dân không sa ngã vào các tệ nạn xã hội, góp phần làm trong sạch xã hội.

Câu 30: Quan điểm chỉ đạo của Đảng chống lại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ được xác định như thế nào?

- A. Chống “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ là nhiệm vụ quan trọng nhất của Đảng và nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay.
- B. Chống “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ là cấp bách hàng đầu trong các nhiệm vụ quốc phòng - an ninh hiện nay.
- C. Phát huy vai trò của các địa phương, tỉnh, thành chủ động tích cực phòng chống “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ.
- D. Lực lượng vũ trang phải nêu cao tinh thần cảnh giác trước mọi âm mưu thủ đoạn của kẻ thù, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi

Bài 2
MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC, TÔN GIÁO
VÀ ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG ĐỊCH LỢI DỤNG VẤN ĐỀ DÂN TỘC
VÀ TÔN GIÁO CHỐNG PHÁ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Câu 1: Dân tộc là gì?

A. Dân tộc là một cộng đồng người ổn định, hình thành trong lịch sử, tạo lập một quốc gia, trên cơ sở cộng đồng bền vững về: lãnh thổ, kinh tế, ngôn ngữ, truyền thống, văn hóa, đặc điểm tâm lí, ý thức về dân tộc và tên gọi của dân tộc.

B. Dân tộc là một cộng đồng người hình thành trong lịch sử tạo, lập một quốc gia, trên cơ sở cộng đồng bền vững về: lãnh thổ, kinh tế, ngôn ngữ, truyền thống, văn hóa và tên gọi của dân tộc.

C. Dân tộc là một cộng đồng người ổn định, trên cơ sở cộng đồng bền vững về: lãnh thổ, kinh tế, ngôn ngữ, truyền thống, văn hóa, đặc điểm tâm lí, ý thức về dân tộc và tên gọi của dân tộc.

D. Dân tộc là một cộng đồng người ổn định, hình thành trong lịch sử tạo lập một quốc gia, trên cơ sở cộng đồng bền vững về: lãnh thổ, kinh tế, ngôn ngữ, truyền thống.

Câu 2: Việt Nam có bao nhiêu dân tộc anh em?

A. 54

B. 52

C. 53

D. 55

Câu 3: Dân tộc được hiểu theo nghĩa cộng đồng quốc gia dân tộc là gì?

A. Là một cộng đồng chính trị - xã hội, được quản lý bởi một nhà nước, thiết lập trên một lãnh thổ chung.

B. Là một cộng đồng chính trị - xã hội phân bố ở nhiều địa bàn khác nhau.

C. Là một cộng đồng được chỉ đạo bởi một nhà nước, thiết lập trên một lãnh thổ chung.

D. Là một cộng đồng xã hội, được thiết lập trên một lãnh thổ chung.

Câu 4: “Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, không phân biệt lớn, nhỏ, trình độ phát triển cao hay thấp đều có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau trên mọi lĩnh vực”. Là quan điểm của ai?

A. V.I.Lênin.

B. Mác – Lênin.

C. Ph. Ăng-ghen.

D. Hồ Chí Minh.

Câu 5: Quan điểm của V.I.Lenin về giải quyết vấn đề dân tộc?

A. Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết, liên hiệp giai cấp công nhân tất cả các dân tộc.

B. Các dân tộc bình đẳng, tự do, các dân tộc cần có quyền tự quyết, không phụ thuộc lẫn nhau.

C. Các dân tộc được quyền tự quyết và phải liên hiệp lại.

D. Liên hiệp giai cấp công nhân tất cả các dân tộc để đảm bảo quyền tự quyết, bình đẳng, tự do.

Câu 6: Quan điểm của Hồ Chí Minh về giải quyết vấn đề dân tộc?

A. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển đi lên con đường ấm no, hạnh phúc.

B. Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết phương hướng đi lên chủ nghĩa tư bản hoặc chủ nghĩa xã hội.

C. Các dân tộc nêu cao tinh thần bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và liên hiệp giúp đỡ nhau cùng phát triển

D. Giai cấp công nhân tất cả các dân tộc liên hiệp lại là cơ sở để dân tộc bình đẳng và có quyền tự quyết.

Câu 7: Quyền dân tộc tự quyết là gì?

A. Quyền tự do quyết định về chính trị, con đường phát triển của dân tộc mình, quyền tự do phân lập thành quốc gia riêng và quyền tự nguyện liên hiệp với các dân tộc khác.

B. Quyền tự do quyết định mối quan hệ của mình với các nước khác trên thế giới và tự do lựa chọn con đường phát triển của dân tộc mình.

C. Quyền tự do quyết định về chính trị, quyền tự do phân lập thành quốc gia riêng.

D. Quyền tự do quyết định con đường phát triển của dân tộc mình, quyền tự do phân lập thành quốc gia riêng và quyền tự nguyện liên hiệp với các dân tộc khác.

Câu 8: Đặc điểm nổi bật trong quan hệ giữa các dân tộc ở Việt Nam?

A. Các dân tộc ở Việt Nam có truyền thống đoàn kết gắn bó xây dựng quốc gia dân tộc thống nhất.

B. Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam cư trú phân tán và xen kẽ.

C. Các dân tộc ở Việt Nam có quy mô dân số và trình độ phát triển không đồng đều.

D. Các dân tộc ở Việt Nam đều có sắc thái văn hóa riêng.

Câu 9: Quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước ta hiện nay là gì?

A. Thực hiện bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng giúp đỡ nhau cùng tiến bộ giữa các dân tộc nhằm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm cho tất cả các dân tộc ở Việt Nam đều phát triển, ấm no, hạnh phúc

B. Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc phát triển đi lên con đường văn minh của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

C. Thực hiện chính sách tương trợ giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc phát triển đi lên con đường văn minh, tiến bộ, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

D. Thực hiện chính sách đoàn kết, tiến bộ, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng các dân tộc Việt Nam

Câu 10: Đặc điểm các dân tộc thiểu số ở Việt Nam là?

A. Cư trú phân tán và xen kẽ trên địa bàn rộng lớn.

B. Cư trú ở nông thôn.

C. Cư trú trên địa bàn trung du

D. Cư trú ở cao nguyên.

Câu 11: Đặc điểm của các dân tộc ở Việt Nam là:

A. Có quy mô dân số và trình độ phát triển không đồng đều.

B. Có quy mô dân số và trình độ phát triển đồng đều.

- C. Có quy mô dân số và trình độ phát triển bền vững.
- D. Có trình độ phát triển không đồng đều.

Câu 12: Khái niệm tôn giáo là gì?

A. Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội, phản ánh hiện thực khách quan, theo quan niệm hoang đường, ảo tưởng phù hợp với tâm lý, hành vi của con người.

B. Tôn giáo là một hình thức xã hội theo quan niệm hoang đường, ảo tưởng phù hợp với tâm lý, hành vi của con người.

C. Tôn giáo phản ánh hiện thực khách quan, ảo tưởng phù hợp với tâm lý, hành vi của con người.

D. Tôn giáo là một hình thức xã hội, phản ánh hiện thực khách quan, theo quan niệm hoang đường.

Câu 13: Trong đời sống xã hội, tôn giáo là một cộng đồng xã hội với các yếu tố:

A. Hệ thống giáo lý - nghi lễ; tín đồ

C. Hệ thống giáo lý; cơ sở vật chất; hoạt động truyền giáo,

C. Nghi lễ; tín đồ; cơ sở vật chất.

D. Hệ thống giáo lý - nghi lễ; tín đồ; cơ sở vật chất; hoạt động truyền giáo.

Câu 14: Mê tín dị đoan là gì?

A. Là hệ thống những niềm tin, sự ngưỡng vọng của con người vào cái “siêu nhiên” hay còn gọi là “cái thiêng” để giải thích thế giới với ước muốn mang lại sự bình an cho cá nhân và cộng đồng.

B. Là một hình thái ý thức xã hội gồm những quan niệm dựa trên cơ sở niềm tin vào các lực lượng siêu nhiên, vô hình.

C. Là những hiện tượng cuồng vọng của con người đến mức mê muội, trái với lẽ phải và hành vi đạo đức, văn hóa cộng đồng.

D. thường đưa ra các giá trị có tính tuyệt đối làm mục đích cho con người vươn tới cuộc sống tốt đẹp và nội dung ấy được thể hiện bằng những nghi lễ, những sự kiêng kỵ.

Câu 15: Yếu tố quan trọng để phân biệt sự khác nhau giữa tín ngưỡng với mê tín dị đoan là:

A. Hậu quả xấu để lại.

B. Niềm tin.

C. Nguồn gốc.

D. Nghi lễ.

Câu 16: Hành vi nào sau đây thể hiện tín ngưỡng?

A. Yếm bùa.

B. Thắp hương cho bàn thờ gia tiên.

C. Không ăn trứng trước khi đi thi.

D. Xem bói.

Câu 17: Nguồn gốc của tôn giáo bao gồm các yếu tố nào?

A. Yếu tố kinh tế - xã hội; yếu tố nhận thức; yếu tố tâm linh

B. Yếu tố kinh tế - xã hội; yếu tố tâm lý; yếu tố con người

C. Yếu tố kinh tế - xã hội; yếu tố nhận thức; yếu tố tâm lý.

D. Yếu tố nhận thức; yếu tố tâm lý; yếu tố thời đại.

Câu 18: "Sự bất lực của giai cấp bị bóc lột trong cuộc đấu tranh chống bọn bóc lột tất nhiên để ra lòng tin vào một cuộc đời tốt đẹp hơn ở thế giới bên kia" là câu nói của ai về nguồn gốc tôn giáo khi xã hội có giai cấp đối kháng?

A. V.I. Lênin

B. Hồ Chí Minh

C. Khổng Tử

D. Ăng – ghen

Câu 19: Tôn giáo có những tính chất gì?

A. Tính lịch sử, tính quần chúng, tính chính trị.

B. Tính lịch sử, tính chính trị, tính xã hội

C. Tính quần chúng, tính chính trị, tính nhân văn

D. Tính quần chúng, tính chính trị, tính khoa học

Câu 20: Thuật ngữ nào sau đây phản ánh không đúng trách nhiệm của công dân có tín ngưỡng, tôn giáo đối với đạo pháp và đất nước?

A. Kính Chúa yêu nước.

B. Tốt đời đẹp đạo.

C. Đạo pháp dân tộc.

D. Buôn thần bán thánh.

Câu 21: Một trong những quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin về giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng xã hội chủ nghĩa?

A. Tôn trọng và bảo đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của công dân, kiên quyết bài trừ mê tín dị đoan.

B. Người đã theo tín ngưỡng, tôn giáo không có quyền bỏ mà theo tín ngưỡng, tôn giáo khác.

C. Người theo tín ngưỡng, tôn giáo này không có quyền tham gia hoạt động tín ngưỡng tôn giáo khác.

D. Tôn trọng và bảo đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của công dân.

Câu 22: Một trong những quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin về giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng xã hội chủ nghĩa?

A. Giải quyết vấn đề tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa

B. Giải quyết vấn đề tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, chế độ mới.

C. Xây dựng xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa, cùng với đó là xây dựng hệ thống các cơ sở quản lý tôn giáo.

D. Giải quyết vấn đề tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, đào tạo chức sắc tôn giáo có tư tưởng định hướng xã hội chủ nghĩa.

Câu 23: Một trong những quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin về giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng xã hội chủ nghĩa?

A. Quán triệt quan điểm lịch sử cụ thể khi giải quyết vấn đề tôn giáo.

B. Giải quyết vấn đề tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ.

C. Xây dựng hệ thống các cơ sở quản lý tôn giáo.

D. Đào tạo chức sắc tôn giáo có tư tưởng định hướng xã hội chủ nghĩa.

Câu 24: Một trong những quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin về giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng xã hội chủ nghĩa?

A. Phân biệt rõ mối quan hệ giữa hai mặt chính trị và tư tưởng trong giải quyết vấn đề tôn giáo

B. Đào tạo chức sắc tôn giáo có tư tưởng định hướng xã hội chủ nghĩa.

C. Làm rõ mối quan hệ giữa hai mặt chính trị và tôn giáo trong giải quyết vấn đề tôn giáo

D. Giải quyết vấn đề tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ.

Câu 25: Tính chính trị của tôn giáo ra đời khi nào?

A. Xuất hiện khi xã hội đã phân chia giai cấp.

B. Xuất hiện khi có chiến tranh xảy ra.

C. Xuất hiện khi quần chúng khát vọng tự do.

D. Xuất hiện khi giai cấp công nhân ra đời.

Câu 26: Điền vào dấu “Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật được Nhà nước ...”

A. Bảo vệ

B. Bảo hộ

C. Bảo đảm

D. Bảo bọc

Câu 27: Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước ta hiện nay về tôn giáo?

A. Tôn giáo có những giá trị văn hóa, đạo đức tích cực phù hợp với xã hội mới; đồng bào tôn giáo là một bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

B. Tôn giáo còn tồn tại lâu dài; tôn giáo có những giá trị văn hóa, đạo đức tích cực phù hợp với xã hội mới; đồng bào tôn giáo là một bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

C. Tôn giáo còn tồn tại lâu dài; đồng bào tôn giáo là một bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

D. Đồng bào tôn giáo là một bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Câu 28: Giải quyết công tác tôn giáo thì Đảng và Nhà nước ta phải thực hiện những giải pháp gì?

A. Giải quyết hợp lý nhu cầu tín ngưỡng của quần chúng nhưng cũng vừa kịp thời đấu tranh chống địch lợi dụng tôn giáo để chống phá cách mạng.

B. Quản lý chặt chẽ các cơ sở truyền giáo; Giải quyết hợp lý nhu cầu tín ngưỡng của quần chúng nhân dân.

C. Kịp thời đấu tranh chống địch lợi dụng tôn giáo để chống phá cách mạng Việt Nam hiện nay.

D. Thành lập các cơ quan quản lý về mặt hành chính với các đơn vị truyền giáo.

Câu 29: Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là gì?

A. Là công tác vận động quần chúng sống "tốt đời, đẹp đạo", góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

B. Vận động quần chúng sống "tốt đời, đẹp đạo", gia nhập các tôn giáo chính thống.

C. Gia nhập các tôn giáo chính thống và tuân thủ theo chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

D. Không gia nhập và nghe theo sự rao giảng giáo lý của các dị giáo.

Câu 30: Các thế lực thù địch hiện nay đẩy mạnh chiến lược “Diễn biến hòa bình” chống phá Việt Nam và coi vấn đề “dân tộc, tôn giáo” là:

A. Ngòi nổ

B. Trọng tâm

C. Mũi nhọn.

D. Ưu tiên.

Câu 31: Để thực hiện âm mưu “không đánh mà thắng” chúng lợi dụng vấn đề “dân tộc, tôn giáo” nhằm vào các mục tiêu nào?

A. Phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc; kích động chức sắc tôn giáo chống lại chính sách dân tộc; xây dựng các tổ chức phản động trong các dân tộc, các tôn giáo.

B. Phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc; kích động chức sắc tôn giáo chống lại chính sách dân tộc.

C. Xây dựng các tổ chức phản động trong các dân tộc, các tôn giáo.

D. Kích động chức sắc tôn giáo chống lại chính sách dân tộc; xây dựng các tổ chức phản động trong các dân tộc, các tôn giáo.

Câu 32: Một trong những thủ đoạn lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch là gì?

A. Tìm mọi cách xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước ta, mà trực tiếp là quan điểm, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta.

B. Xuyên tạc chủ nghĩa Mac-Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh; phá hoại các cơ sở kinh tế; xây dựng và nuôi dưỡng các tổ chức phản động.

C. Kích động tư tưởng dân tộc hẹp hòi; phá hoại các cơ sở kinh tế; xây dựng và nuôi dưỡng các tổ chức phản động.

D. Xuyên tạc chủ nghĩa Mac-Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kích động tư tưởng dân tộc hẹp hòi; phá hoại các cơ sở kinh tế.

Câu 33: Một trong những thủ đoạn lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch là gì?

A. Chúng lợi dụng những vấn đề dân tộc, tôn giáo để kích động tư tưởng dân tộc hẹp hòi, dân tộc cực đoan, li khai.

B. Chúng lợi dụng những vấn đề tôn giáo để kích động tư tưởng dân tộc hẹp hòi, dân tộc cực đoan, li khai.

C. Chúng lợi dụng những vấn đề dân tộc để kích động chia rẽ các tôn giáo, giữa đồng bào theo tôn giáo và Đảng, nhà nước.

D. Chúng lợi dụng những vấn đề dân tộc, tôn giáo để kích động tư tưởng dân tộc hẹp hòi, đẩy mâu thuẫn giữa các dân tộc, tôn giáo lên cao, qua đó để trục lợi về kinh tế.

Câu 34: Giải pháp quan trọng nhằm nâng cao nội lực, tạo nên sức đề kháng trước mọi âm mưu thủ đoạn nham hiểm của kẻ thù trong vấn đề dân tộc – tôn giáo là gì?

A. Tăng cường xây dựng củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

B. Tăng cường xây dựng củng cố chính quyền cơ sở.

C. Tăng khả năng quản lý của chính quyền với các cơ sở truyền giáo.

D. Giữ vững ổn định chính trị - xã hội tại địa phương.

Câu 35: Chương trình phát triển kinh tế - xã hội tiêu biểu của Chính phủ ở các xã miền núi và vùng sâu vùng xa đặc biệt khó khăn là gì?

A. Chương trình 135

B. Chương trình 235

C. Chương trình 150

D. Chương trình 50

Câu 36. Tôn giáo nào sau đây ra đời ở Việt Nam?

A. Đạo Cao đài.

B. Đạo Tin lành.

C. Đạo phật.

D. Đạo Thiên chúa.

Câu 37: Tại sao mê tín dị đoan bị pháp luật cấm?

A. Gây thiệt hại về tiền bạc, sức khỏe, tính mạng.

B. Vì xem bói biết trước được tương lai.

C. Vì xem bói làm người ta thêm lo lắng.

D. Vì người dân thích xem bói.

Câu 38: Việc chữa bệnh bằng “bùa phép”, đó là một hình thức của:

A. Mê tín dị đoan.

B. Tín ngưỡng.

C. Tôn giáo.

D. Phong tục tập quán.

BÀI 3:

PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Câu 1: Bảo vệ môi trường là gì?

A. Là hoạt động ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái, cải thiện, phục hồi môi trường; khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên nhằm giữ môi trường trong lành.

B. Là hoạt động khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên nhằm giữ môi trường trong lành.

C. Là hoạt động khắc phục ô nhiễm, suy thoái, cải thiện, phục hồi môi trường; khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên nhằm giữ môi trường trong lành.

D. Là hoạt động giữ gìn, phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái, cải thiện, phục hồi môi trường; khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên nhằm giữ môi trường trong lành.

Câu 2: Bảo vệ môi trường được xác định trong đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước ta như thế nào?

A. Cơ bản không thể tách rời.

B. Vô cùng quan trọng.

C. Rất quan trọng.

D. Quan trọng.

Câu 3: Đầu là quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường?

A. Pháp luật quy định những quy tắc xử sự mà con người phải thực hiện khi khai thác và sử dụng các yếu tố (thành phần) của môi trường.

B. Pháp luật lấy xử lý vi phạm làm nguyên tắc chủ đạo, kết hợp với xử lý ô nhiễm, cải thiện môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên; phát huy năng lực nội sinh, đẩy mạnh hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường.

C. Pháp luật hướng đến giữ gìn môi trường luôn trong lành.

D. Pháp luật về phòng ngừa và ngăn chặn làm nguyên tắc chủ đạo, kết hợp với xử lý ô nhiễm, cải thiện môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên; phát huy năng lực nội sinh, đẩy mạnh hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường.

Câu 4: Pháp luật bảo vệ môi trường là gì?

A. Là hệ thống các văn bản pháp luật quy định những quy tắc xử sự do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận nhằm giữ gìn, phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái, cải thiện, phục hồi môi trường; khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên nhằm giữ môi trường trong lành.

B. Là hệ thống các văn bản pháp luật quy định những quy tắc xử sự do Nhà nước ban hành nhằm giữ gìn, phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái, cải thiện, phục hồi môi trường; khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên nhằm giữ môi trường trong lành.

C. Là hệ thống các văn bản pháp luật quy định những quy tắc xử sự do Nhà nước ban hành.

D. Là hệ thống các văn bản pháp nhằm giữ môi trường trong lành.

Câu 5: Môi trường bị hủy hoại chủ yếu là do vấn đề gì?

A. Sự “tác động quá mức” của con người đối với các thành phần cấu tạo nên môi trường tự nhiên

B. Do nhiều yếu tố tạo thành, cả tự nhiên và nhân tạo.

C. Do con người khai thác nguồn tài nguyên.

D. Do con người thờ ơ với việc bảo vệ môi trường.

Câu 6: Trong công tác bảo vệ môi trường pháp luật có vai trò gì?

A. Pháp luật quy định những quy tắc xử sự mà con người phải thực hiện khi khai thác và sử dụng các yếu tố (thành phần) của môi trường. Pháp luật quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ môi trường.

B. Pháp luật quy hệ thống các quy chuẩn môi trường, tiêu chuẩn môi trường để bảo đảm môi trường. Giải quyết các tranh chấp liên quan đến bảo vệ môi trường.

C. Pháp luật quy định các chế tài hình sự, buộc các cá nhân, tổ chức phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu đòi hỏi pháp luật trong việc khai thác, sử dụng các yếu tố của môi trường.

D. Pháp luật quy định các chế dân sự buộc các tổ chức phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu đòi hỏi pháp luật trong việc khai thác, sử dụng các yếu tố của môi trường.

Câu 7: Một trong những yếu tố của tội phạm môi trường là gì?

A. Là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự.

B. Là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Luật Môi trường.

- C. Là hành vi nguy hiểm cho môi trường được quy định trong Bộ luật dân sự.
- D. Là hành vi làm thay đổi trạng thái, tính chất của môi trường được quy định trong Luật Môi trường.

Câu 8: Vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là gì?

A. Là những hành vi vi phạm các quy định quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường do các cá nhân, tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý mà không phải là tội phạm, theo quy định phải bị xử lý vi phạm hành chính.

B. Là những hành động vi phạm các quy định quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường do các cá nhân, tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý mà không phải là tội phạm, theo quy định phải bị xử lý hình sự.

C. Là những hành vi vi phạm các quy định quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường do các cá nhân thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý mà không phải là tội phạm, theo quy định phải bị xử lý vi phạm hành chính.

D. Là những hành vi, hành động, việc làm vi phạm các quy định quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường do các tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý mà không phải là tội phạm, theo quy định phải bị xử lý vi phạm hành chính.

Câu 9: Đây là nguyên nhân của vi phạm pháp luật về môi trường?

A. Các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành nhiều chính sách ưu đãi để phát triển kinh tế mà không quan tâm đến bảo vệ môi trường.

B. Áp lực tăng trưởng kinh tế, dẫn tới các địa phương chưa chú trọng về công tác bảo vệ môi trường, chỉ tập trung cho lợi ích kinh tế trước mắt.

C. Công tác quản lý nhà nước về môi trường chưa khoa học, còn chồng chéo giữa các Bộ, ban ngành dẫn đến nhiều sơ hở trong công tác bảo vệ môi trường.

D. Cả A, B, C

Câu 10: Đây là nguyên nhân thuộc về phía đối tượng vi phạm pháp luật về môi trường?

A. Ý thức coi thường pháp luật.

B. Chấp hành nghiêm pháp luật và tuân thủ các quy tắc, chuẩn mực xã hội.

C. Ý thức sai lệch về cách thỏa mãn nhu cầu cá nhân là yếu tố chủ quan dẫn đến các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của các đối tượng.

D. Ý thức bảo vệ môi trường kém, chưa tuân thủ các quy tắc, chuẩn mực xã hội.

Câu 11: Phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường là hoạt động của ai:

A. Là hoạt động các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội và công dân.

B. Là hoạt động của lực lượng cảnh sát môi trường

C. Là hoạt động lực lượng cảnh sát môi trường và Bộ Tài nguyên môi trường.

D. Là hoạt động xung kích của Đoàn thanh niên và hệ thống cơ quan bảo vệ môi trường trong cả nước.

Câu 12: Đặc điểm của phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường là gì?

A. Chủ thể tiến hành phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường được triển khai đồng bộ, với các biện pháp điều tra, xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

B. Chủ thể tiến hành tham gia phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường rất đa dạng.

C. Chủ thể tiến hành phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường không liên quan trực tiếp đến việc sử dụng các công cụ phương tiện nghiệp vụ và ứng dụng tiên bộ của khoa học công nghệ.

D. Chủ thể tiến hành tham gia phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường rất tập chung chủ yếu ở các lực lượng có chuyên môn về môi trường và pháp luật bảo vệ môi trường.

Câu 13. Nội dung nào không phải là hoạt động phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường?

A. Nắm tình hình vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, nghiên cứu làm rõ những vấn đề có tính quy luật trong hoạt động vi phạm pháp luật của các đối tượng.

B. Xác định và làm rõ các nguyên nhân, điều kiện của vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

C. Xây dựng các kế hoạch, biện pháp, các giải pháp chủ động hạn chế các nguyên nhân, khắc phục các điều kiện của vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

D. Xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp, giảm thiểu các tác động của sự biến đổi môi trường tự nhiên đến đời sống của con người.

Câu 14. Trong phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, đâu là biện pháp phòng, chống chung?

A. Biện pháp tổ chức - hành chính; Biện pháp kinh tế; Biện pháp khoa học - công nghệ; Biện pháp tuyên truyền, giáo dục; Biện pháp pháp luật.

B. Biện pháp tuyên truyền, nhắc nhở các cá nhân tổ chức chấp hành pháp luật.

C. Biện pháp pháp ngăn ngừa các vi phạm luật khoa học và công nghệ môi trường.

D. Biện pháp tuyên truyền qua internet để người dân không vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Câu 15. Tham gia phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường gồm những chủ thể nào?

A. Đảng lãnh đạo Nhà nước, các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị và quần chúng nhân dân.

B. Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp; Bộ Tư pháp; Bộ Tài chính; các tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng và công dân.

C. Hộ gia đình và công dân; các cơ quan bảo vệ pháp luật (Công an, Viện kiểm sát, Tòa án, hội cựu chiến binh, hội phụ nữ, khu phố).

D. Chính phủ và Ủy ban nhân dân; Bộ Tài nguyên môi trường; Bộ Xây dựng; Bộ Y tế; Bộ Thông tin truyền thông; các tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng.

Câu 16. Sinh viên có trách nhiệm như thế nào trong tham gia phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường?

A. Nắm vững các quy định của pháp luật phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Xây dựng ý thức trách nhiệm và hành động hiệu quả trong các hoạt động bảo vệ môi trường như sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn tài nguyên.

B. Tham gia các phong trào về bảo vệ môi trường, hạn chế sử dụng các phương tiện giao thông cá nhân để bảo vệ môi trường không khí.

C. Đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

D. Cả A, B, C

Câu 17. Điền vào dấu "...": Các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường được ban hành nhằm khai thác, sử dụng "... tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường.

A. tối đa

B. hợp quy

C. hợp lý

D. tổng hợp

Câu 18. Điền vào dấu "...": Trong bảo vệ môi trường, pháp luật có vai trò "... các tranh chấp trong bảo vệ môi trường.

A. ngăn chặn

B. giải quyết

C. xét xử

D. quản lý

Câu 19. Điền vào dấu "...": Phần lớn các đối tượng vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường là do động cơ "... chấp nhận bị phạt rẻ hơn đầu tư hệ thống xử lý chất thải.

A. trục lợi

B. chống đối

C. cá nhân

D. nhận thức

Câu 20. Điền vào dấu "...": Nội dung phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường là xác định... các nguyên nhân, điều kiện dẫn đến vi phạm pháp luật.

A. phân loại

B. thứ tự

C. phạm vi

D. và làm rõ

BÀI 4:

PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ ĐẢM BẢO TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG

Câu 1: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong nhà trường là trách nhiệm của?

A. Nhà trường.

B. Sinh viên.

C. Nhà trường và sinh viên.

D. Không phải trách nhiệm của Nhà trường và sinh viên.

Câu 2: Các dấu hiệu pháp lý của tội phạm an toàn giao thông:

A. Chủ thể; Khách thể; Mặt khách quan, mặt chủ quan của các tội phạm xâm phạm an toàn giao thông.

B. Mặt khách quan, mặt chủ quan của các tội phạm xâm phạm an toàn giao thông.

C. Chủ thể của các tội phạm xâm phạm an toàn giao thông.

D. Chủ thể; Mặt khách quan của các tội phạm xâm phạm an toàn giao thông.

Câu 3: Vi phạm hành chính xảy ra trong lĩnh vực bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là?

A. Là hành vi trái pháp luật, do cá nhân, tổ chức có năng lực trách nhiệm hành chính thực hiện với lỗi cố ý hoặc vô ý, xâm phạm đến hoạt động bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và theo quy định của pháp luật phải chịu trách nhiệm hành chính.

B. Là hành vi trái pháp luật, do cá nhân có năng lực trách nhiệm hành chính thực hiện với lỗi cố ý hoặc vô ý, xâm phạm đến hoạt động an toàn giao thông và theo quy định của pháp luật phải chịu trách nhiệm hành chính.

C. Là hành vi do cá nhân có năng lực trách nhiệm hành chính thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm đến hoạt động bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và theo quy định của pháp luật phải chịu trách nhiệm hành chính.

D. Là hành vi trái pháp luật, do cá nhân, tổ chức thực hiện với lỗi cố ý hoặc vô ý, xâm phạm đến hoạt động bảo đảm trật tự, an toàn giao thông phải chịu trách nhiệm hành chính.

Câu 4: Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông phải có điều kiện nào sau đây?

A. Có giấy Chứng minh nhân dân.

B. Đủ tuổi theo qui định của pháp luật.

C. Đã học lái xe.

D. Có sức khỏe, đủ tuổi, có giấy phép lái xe theo qui định của Luật giao thông đường bộ, bảo đảm điều khiển xe an toàn.

Câu 5: Đấu tranh chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là hoạt động của tổ chức nào sau đây?

A. Hoạt động của Lực lượng vũ trang có thẩm quyền.

B. Hoạt động toàn xã hội.

C. Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

D. Hoạt động của các cơ chức năng có thẩm quyền theo qui định.

Câu 6: Pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là một bộ phận của?

A. Hệ thống pháp luật hành chính của Đảng.

B. Hệ thống pháp luật hành chính Nhà nước.

C. Hệ thống pháp luật hành chính của Quốc hội.

D. Hệ thống pháp luật của Bộ Công An

Câu 7: Nội dung của đấu tranh chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là gì?

A. Phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông do cá nhân, tổ chức thực hiện.

B. Góp phần áp dụng các biện pháp xử lý tương ứng với mức độ của các hành vi vi phạm đó, góp phần bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

C. Một nhiệm vụ của công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

D. Tuyên truyền những hành vi vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông do cá nhân, tổ chức thực hiện.

Câu 8: Pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là gì?

A. Một bộ phận bao gồm hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành.

B. Một bộ phận của hệ thống pháp luật bao gồm hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành.

C. Một bộ phận của hệ thống pháp luật hành chính nhà nước, bao gồm hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành.

D. Một bộ phận của hệ thống hành chính nhà nước, bao gồm hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành.

Câu 9: Người từ đủ bao nhiêu tuổi thì được điều khiển xe mô tô, xe gắn máy có dung tích xilanh từ 50cm³ trở lên và các loại xe có kết cấu tương tự, xe có trọng tải dưới 3.500kg và xe ô tô chở người đến 9 chỗ?

A. Người từ đủ 14 tuổi.

B. Người từ đủ 16 tuổi.

C. Người từ đủ 18 tuổi.

D. Người từ đủ 17 tuổi.

Câu 10: Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông ban hành nhằm?

A. Điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình tổ chức, thực hiện hoạt động chấp hành của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức xã hội và công dân trên lĩnh vực bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

B. Điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình thực hiện hoạt động điều hành của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức xã hội và công dân trên lĩnh vực bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

C. Điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình tổ chức, thực hiện hoạt động chấp hành và điều hành của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức xã hội và công dân trên lĩnh vực bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

D. Điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình tổ chức, thực hiện của các cơ quan quản lý nhà nước, công dân trên lĩnh vực bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

Câu 11: Pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là:

A. Công cụ pháp lý quan trọng để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo đảm TTATGT, TTATXH.

B. Cơ sở, công cụ pháp lý quan trọng để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo đảm TTATGT, TTATXH.

C. Cơ sở, công cụ pháp lý quan trọng để thực hiện chức năng nhà nước về bảo đảm TTATGT.

D. Công cụ pháp lý để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo đảm TTATGT.

Câu 12: Vai trò của pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là gì?

A. Pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là ý chí của Nhà nước để chỉ đạo và tổ chức thực hiện bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

B. Pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là ý chí để chỉ đạo và tổ chức thực hiện bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

C. Pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là ý chí của Bộ công an đề chỉ đạo tổ chức thực hiện bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

D. Pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là ý chí của toàn dân đề chỉ đạo và tổ chức thực hiện bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

Câu 13: Tổ chức nào là chủ thể trong thực hiện phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông?

A. Đảng Cộng sản Việt Nam, Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân các cấp và Ủy ban nhân dân các cấp.

B. Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp.

C. Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp.

D. Đảng Cộng sản Việt Nam, Quốc hội

Câu 14: Phòng ngừa vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là hoạt động của tổ chức nào?

A. Hoạt động của các cơ quan Nhà nước; các tổ chức xã hội và công dân.

B. Hoạt động của các tổ chức xã hội và công dân.

C. Hoạt động của công dân.

D. Hoạt động của các cơ quan Nhà nước; các tổ chức xã hội

Câu 15: Người điều khiển xe máy chỉ được chở 2 người trong trường hợp nào sau đây?

A. Chở người bệnh đi cấp cứu, áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật, chở trẻ em dưới 14 tuổi.

B. Chở người bệnh đi cấp cứu, áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật

C. Áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật, chở trẻ em dưới 14 tuổi.

D. Chở người bệnh đi cấp cứu, trẻ em dưới 14 tuổi.

Câu 16: Người tham gia giao thông đường bộ gồm những người nào?

A. Người chạy, người được chở trên phương tiện tham gia giao thông đường bộ; người điều khiển, dẫn dắt súc vật; người đi bộ trên đường bộ.

B. Người điều khiển, người được chở trên phương tiện đường bộ; người điều khiển, dẫn dắt súc vật; người đi bộ trên đường bộ.

C. Người điều khiển, người được chở trên phương tiện tham gia giao thông đường bộ; người điều khiển, dẫn dắt súc vật; người đi bộ trên đường bộ.

D. Người được chở trên phương tiện tham gia giao thông đường bộ; người điều khiển, dẫn dắt súc vật; người đi bộ trên đường bộ.

Câu 17: Các tội phạm xâm phạm an toàn giao thông là?

A. Là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm đến lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông.

B. Là tội gây nguy hiểm cho xã hội, do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, được quy định trong Bộ luật Dân sự.

C. Là hành vi xâm phạm vào những quy định của Nhà nước về an toàn giao thông mà theo quy định của Bộ Luật hình sự và Luật Giao thông đường bộ và phải bị xử lý hình sự.

D. Là hành vi do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm đến lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông.

Câu 18: Các dấu hiệu cơ bản của vi phạm hành chính xảy ra trong bảo đảm trật tự, an toàn giao thông?

A. Tính có lỗi, tính nguy hiểm cho xã hội, tính trái pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

B. Tính trái pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

C. Tính có lỗi, tính trái pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

D. Tính có lỗi, tính nguy hiểm cho xã hội

Câu 19: Một trong những giải pháp đối với cơ quan, tổ chức trong phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông

A. Tích cực nghiên cứu, đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật hiệu quả, đa dạng, thiết thực, phù hợp với từng đối tượng, địa bàn, cần tập trung vào các đối tượng học sinh, thiếu niên, thanh niên

B. Tăng nặng mức xử phạt hành chính đối với những người vi phạm trật tự, an toàn giao thông.

C. Hạn chế việc bán các loại xe phân khối lớn, nâng cao quy định về cấp giấy phép lái xe.

D. Xây dựng lại các quy định chế tài đối với người điều khiển phương tiện tham gia giao thông.

Câu 20: Nội dung biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là gì?

A. Tham mưu, đề xuất với các tổ chức xây dựng và hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp luật phục vụ phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

B. Tham mưu, đề xuất với Nhà nước xây dựng và hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp luật phục vụ phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

C. Tham mưu cho Công an đề ra chủ trương, biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông phù hợp với điều kiện thực tế ở từng địa phương cụ thể.

D. Tham mưu cho Quân đội đề ra chủ trương, biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông phù hợp.

BÀI 5:
**PHÒNG, CHỐNG MỘT SỐ LOẠI TỘI PHẠM XÂM HẠI DANH DỰ,
NHÂN PHẨM CỦA NGƯỜI KHÁC**

Câu 1: Một trong những công cụ hữu hiệu để ghi nhận, củng cố, bảo vệ quyền con người là:

- A. Pháp luật B. Sức khỏe C. Tự do D. Tính ngưỡng

Câu 2: Bảo vệ con người trước hết là

A. Bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và tự do của họ, trong đó bảo vệ danh dự, nhân phẩm của con người có ý nghĩa vô cùng quan trọng.

B. Bảo vệ tính mạng và tự do của họ, trong đó con người có ý nghĩa vô cùng quan trọng.

C. Bảo vệ con người có ý nghĩa vô cùng quan trọng.

D. Bảo vệ tính mạng, sức khỏe con người có ý nghĩa vô cùng quan trọng.

Câu 3: Nhân phẩm của mỗi cá nhân được đánh giá trên cơ sở:

A. Những chuẩn mực chung của xã hội đối với mỗi người.

B. Sự tích lũy cá nhân của mỗi con người đối với xã hội.

C. Quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín được ghi nhận.

D. Sự tích lũy cá nhân và những chuẩn mực chung của xã hội.

Câu 4: Danh dự và nhân phẩm là hai khái niệm luôn có mối quan hệ như thế nào?

A. Có mối quan hệ quy định lẫn nhau

B. Có mối quan hệ chặt chẽ với nhau

C. Danh dự quyết định nhân phẩm

D. Nhân phẩm quyết định danh dự và chi phối danh dự

Câu 5: Hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người là

A. Sự đánh giá sai sự thật không phụ thuộc vào việc người đưa ra những tin tức đó vô tình hay cố ý.

B. Là phẩm chất, giá trị của một con người cụ thể và được pháp luật bảo vệ.

C. Là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự.

D. Làm cho người đó bị xúc phạm, tổn thương về tinh thần và xấu hổ đối với những người xung quanh trong xã hội.

Câu 6: Dấu hiệu pháp lý của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người bao gồm:

A. Khách thể, khách quan, chủ thể và chủ quan của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.

B. Chủ thể và chủ quan của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.

C. Khách thể, khách quan của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.

D. Cá thể, khách quan, chủ thể và chủ quan của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.

Câu 7: Một trong những dấu hiệu pháp lý của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người là:

- A. Cá thể của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.
- B. Tập thể của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.
- C. Khách thể của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.
- D. Cụ thể của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.

Câu 8: Một trong những dấu hiệu pháp lý của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người là:

- A. Cá thể của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.
- B. Mặt khách quan của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.
- C. Tập thể của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.
- D. Cá nhân của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.

Câu 9: Một trong những dấu hiệu pháp lý của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người là:

- A. Chủ thể của các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người.
- B. Cá thể của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.
- C. Tập thể của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.
- D. Cụ thể của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.

Câu 10: Một trong những dấu hiệu pháp lý của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người là:

- A. Mặt chủ quan của các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người
- B. Cá thể của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người
- C. Tập thể của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người
- D. Cá nhân của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người

Câu 11: Các loại tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm gồm:

- A. Các tội xâm phạm tình dục, tội mua bán chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người.
- B. Các tội mua bán người, tội đánh tráo người dưới 1 tuổi hoặc chiếm đoạt trẻ em.
- C. Các tội xâm phạm tình dục, các tội mua bán người, các tội làm nhục người khác.
- D. Các tội làm nhục người khác.

Câu 12: Các tội xâm phạm tình dục bao gồm:

A. Tội hiếp dâm; Tội cưỡng dâm; Tội dâm ô với người dưới 16 tuổi; Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi; Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm.

B. Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi; Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm. Tội mua bán người dưới 16 tuổi.

C. Tội hiếp dâm; Tội cưỡng dâm; Tội dâm ô với người dưới 16 tuổi; Tội lây truyền HIV cho người khác.

D. Tội dâm ô với người dưới 16 tuổi; Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi; Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm. Tội vu khống hành hạ người khác.

Câu 13: Các tội mua bán người bao gồm:

A. Tội mua bán người (chủ yếu là tội mua bán phụ nữ, trẻ em); Tội mua bán người dưới 16 tuổi; Tội đánh tráo người dưới 1 tuổi; Tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi; Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người

B. Tội mua bán người dưới 16 tuổi; Tội đánh tráo người dưới 1 tuổi; Tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi; Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người. Tội làm tổn thương sức khỏe người khác.

C. Tội mua bán người (chủ yếu là tội mua bán phụ nữ, trẻ em); Tội sử dụng người dưới 16 tuổi và mục đích khiêu dâm.

D. Tội đánh tráo người dưới 1 tuổi; Tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi; Tội chống đối người thi hành công vụ.

Câu 14: Các tội làm nhục người khác bao gồm:

A. Tội làm nhục người khác; Tội vu khống; Tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi.

B. Tội hành hạ người khác. Tội mua bán đánh tráo chiếm đoạt trẻ em.

C. Tội làm nhục người khác; Tội chống người thi hành công vụ.

D. Tội làm nhục người khác; Tội vu khống; Tội hành hạ người khác.

Câu 15: Mục đích của công tác phòng ngừa tội phạm là:

A. Khắc phục, thủ tiêu các nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội nhằm ngăn chặn, hạn chế, làm giảm từng bước tiến tới loại trừ tội phạm này ra khỏi đời sống xã hội.

B. Phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm, cải tạo người phạm tội trở thành người công dân lương thiện.

C. Nhằm phối hợp tiến hành đồng bộ hoạt động giữa các chủ thể khác nhau thuộc cấp mình quản lý theo kế hoạch thống nhất.

D. Nhằm động viên, huy động sức mạnh của toàn xã hội tham gia hoạt động phòng chống tội phạm: khen thưởng, nhân rộng các điển hình tiên tiến.

Câu 16: Các cơ quan bảo vệ pháp luật:

A. Công an, quân đội, Tòa án.

B. Công an, Viện kiểm sát, Ủy ban.

C. Công an, Viện kiểm sát, Tòa án.

D. Cảnh sát, Viện kiểm sát, Hội đồng nhân dân.

Câu 17: Nguyên tắc phối hợp chặt chẽ giữa các chủ thể trong công tác phòng ngừa tội phạm:

A. Biện pháp phòng ngừa tội phạm luôn được nhận thức rõ ràng, chứa đựng các giải pháp khả thi và phù hợp với điều kiện đặc thù về phòng chống tội phạm ở mỗi địa phương mỗi ngành mỗi lĩnh vực.

B. Mỗi chủ thể khi tham gia phòng ngừa tội phạm trong phạm vi và nhiệm vụ phòng ngừa ở từng địa phương, từng ngành mà mình quản lý đồng thời có sự phối hợp

chặt chẽ với các chủ thể khác để có thể thực hiện 1 cách tốt nhất hoạt động phòng ngừa tội phạm.

C. Luôn phải đảm bảo cho mọi người có cơ hội phát triển bình đẳng, không được phân biệt chủng tộc, tôn giáo, giới tính, thái độ chính trị.

D. Đổi mới và hoàn thiện thể chế, chính sách kinh tế, xã hội góp phần bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao hiệu quả phòng, chống tội phạm.

Câu 18: Hệ thống các biện pháp phòng ngừa tội phạm được xác định ở hai mức độ khác nhau:

A. Phòng ngừa chung (phòng ngừa xã hội) và phòng chống riêng (chuyên môn).

B. Phòng ngừa chung (phòng ngừa chuyên môn) và phòng chống riêng (phòng ngừa xã hội).

C. Phòng ngừa chung (phòng ngừa xã hội) và phòng chống tổng hợp (chuyên môn).

D. Phòng ngừa tổng hợp (phòng ngừa xã hội) và phòng chống riêng (chuyên môn).

Câu 19: Phòng ngừa chung là tổng hợp tất cả các biện pháp về:

A. Đặc trưng, chuyên môn của từng ngành, từng lực lượng.

B. Kinh tế, tuyến giao thông trọng điểm.

C. Chính trị, kinh tế, văn hoá, pháp luật, giáo dục.

D. Lĩnh vực hoạt động của Nhà nước.

Câu 20: Phòng chống riêng (phòng và chống của lĩnh vực chuyên môn) là:

A. Việc áp dụng các biện pháp mang tính đặc trưng, chuyên môn của từng ngành, từng lực lượng, trong đó có hoạt động của cơ quan công an với vai trò nòng cốt, xung kích.

B. Đặc trưng, chuyên môn của từng ngành, từng lực lượng, trong đó có hoạt động của cơ quan công an với vai trò nòng cốt, xung kích.

C. Kinh tế, tuyến giao thông trọng điểm.

D. Lĩnh vực hoạt động của Nhà nước.

Câu 21: Khi nghiên cứu các biện pháp phòng chống tội phạm có thể phân loại thành các hệ thống biện pháp phòng chống như sau:

A. Theo nội dung tác động, theo phạm vi, quy mô tác động, theo phạm vi các lĩnh vực hoạt động, theo phạm vi đối tượng tác động.

B. Theo nội dung tác động, theo phạm vi, quy mô tác động, theo phạm vi các lĩnh vực hoạt động, theo kinh tế, tuyến giao thông trọng điểm.

C. Theo nội dung tác động, theo phạm vi, quy mô tác động, theo phạm vi các lĩnh vực hoạt động, theo lĩnh vực hoạt động của Nhà nước.

D. Theo nội dung tác động, theo phạm vi, quy mô tác động, theo theo kinh tế, tuyến giao thông trọng điểm, theo lĩnh vực hoạt động của Nhà nước.

Câu 22: Các biện pháp phòng chống tội phạm nói chung trong cả nước:

A. Kinh tế, chính trị, ngoại giao.

B. Ngoại giao, chính trị, giáo dục.

C. Kinh tế, chính trị, giáo dục.

D. Kinh tế, chính trị, quốc phòng an ninh.

Câu 23: Nội dung hoạt động phòng chống tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm bao gồm:

A. Tổ chức tiến hành các hoạt động phòng ngừa tội phạm và tổ chức tiến hành các hoạt động phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm.

B. Kịp thời lập hồ sơ đưa đối tượng vào cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng và cơ sở chữa bệnh bắt buộc; quản lý chặt chẽ những người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại cấp xã, người đang trong giai đoạn Điều tra, truy tố, xét xử.

C. Chú trọng bắt, vận động đầu thú đối tượng truy nã, tập trung số đối tượng nguy hiểm, đặc biệt nguy hiểm.

D. Giam giữ, quản lý, giáo dục cải tạo các loại đối tượng; tập trung giáo dục cá biệt đối với số phạm nhân thường xuyên phạm nội quy cơ sở giam giữ, giảm tỷ lệ phạm nhân cải tạo kém.

Câu 24: Tổ chức tiến hành các hoạt động phòng ngừa tội phạm là:

A. Đổi mới và hoàn thiện thể chế, chính sách kinh tế, xã hội góp phần bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao hiệu quả phòng, chống tội phạm.

B. Biện pháp phòng ngừa tội phạm luôn phải đảm bảo cho mọi người có cơ hội phát triển bình đẳng, không được phân biệt chủng tộc, tôn giáo, giới tính, thái độ chính trị.

C. Biện pháp phòng ngừa tội phạm luôn được nhận thức rõ ràng, chứa đựng các giải pháp khả thi và phù hợp với điều kiện đặc thù về phòng chống tội phạm ở mỗi địa phương mỗi ngành mỗi lĩnh vực.

D. Có sự phối hợp chặt chẽ với các chủ thể khác để có thể thực hiện 1 cách tốt nhất hoạt động phòng ngừa tội phạm.

Câu 25: Nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm bao gồm:

A. Nguyên tắc pháp chế, nguyên tắc dân chủ xã hội chủ nghĩa, nguyên tắc nhân đạo, nguyên tắc khoa học và tiến bộ, nguyên tắc tích cực chủ động.

B. Nguyên tắc pháp chế, nguyên tắc dân chủ xã hội chủ nghĩa, nguyên tắc nhân đạo, nguyên tắc khoa học và tiến bộ, nguyên tắc phối hợp chặt chẽ giữa các chủ thể, nguyên tắc cụ thể hóa.

C. Nguyên tắc phối hợp chặt chẽ giữa các chủ thể, nguyên tắc cụ thể hóa, nguyên tắc quán triệt loại trừ.

D. Nguyên tắc quán triệt loại trừ, nguyên tắc phối hợp chặt chẽ giữa các chủ thể, nguyên tắc cụ thể hóa. nguyên tắc tích cực chủ động.

Câu 26: Vai trò chính của Viện kiểm sát trong phòng, chống tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm là:

A. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật đối với các hoạt động điều tra, xét xử, thi hành án, giam giữ, giáo dục, cải tạo phạm nhân, giữ quyền công tố.

B. Phối hợp tham gia, giúp đỡ các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội thực hiện tốt “Chiến lược quốc gia phòng chống tội phạm”.

C. Thông qua hoạt động xét xử các vụ án đảm bảo công minh, đúng pháp luật.

D. Trực tiếp tham gia xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật có liên quan đến công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm, khắc phục những sơ hở thiếu sót là nguyên nhân, điều kiện của tội phạm.

Câu 27: Vai trò chính của Toà án các cấp trong phòng, chống tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm là:

A. Thông qua hoạt động xét xử các vụ án đảm bảo công minh, đúng pháp luật; phát hiện những nguyên nhân, điều kiện của tội phạm để Chính phủ, các ngành, các cấp kịp thời có biện pháp ngăn chặn, loại trừ.

B. Tham gia xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật có liên quan đến công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm, khắc phục những sơ hở thiếu sót là nguyên nhân, điều kiện của tội phạm.

C. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật đối với các hoạt động điều tra, xét xử, thi hành án, giam giữ, giáo dục, cải tạo phạm nhân, giữ quyền công tố.

D. Tham gia nhiệt tình vào công tác giáo dục, cảm hoá các đối tượng có liên quan đến hoạt động phạm tội tại cộng đồng dân cư.

Câu 28: Hiểu như thế nào về tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người?

A. Là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự.

B. Do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện.

C. Thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm tới quyền được tôn trọng và bảo vệ về nhân phẩm và danh dự được Hiến pháp và pháp luật hình sự ghi nhận và bảo vệ.

D. Cả A, B, C.

Câu 29: Trong công tác phòng chống tệ nạn xã hội, lực lượng nòng cốt được xác định là?

A. Công an nhân dân.

B. Bộ đội biên phòng.

C. Cảnh sát biển.

D. Lực lượng dân quân tự vệ.

Câu 30: Mục đích của công tác phòng ngừa tội phạm là gì?

A. Khắc phục, thủ tiêu tiến tới xóa bỏ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội.

B. Ngăn chặn, hạn chế, làm giảm từng bước tiến tới loại trừ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội.

C. Ngăn ngừa, phát hiện tiến tới xóa bỏ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội.

D. Hạn chế tình trạng phạm tội tiến tới loại trừ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội.

Câu 31: Nguyên nhân làm xuất hiện tội phạm là gì?

A. Sự tác động của mặt trái của nền kinh tế thị trường và những tàn dư do chế độ cũ để lại.

B. ảnh hưởng của tội phạm, tệ nạn xã hội của các quốc gia khác.

C. thiếu sót trong giáo dục đạo đức, lối sống; sơ hở, thiếu sót trong các mặt công tác quản lý của Nhà nước.

A. Cả A, B, C.

Câu 32. Điền vào dấu "...": Nội dung phòng ngừa tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác là, đổi mới và hoàn thiện thể chế, chính sách "...", bảo đảm công bằng và an sinh xã hội.

A. kinh tế-xã hội

B. chính trị-xã hội

C. văn hóa-xã hội

D. an ninh xã hội.

Bài 6

AN TOÀN THÔNG TIN VÀ PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG

Câu 1: Khái niệm an toàn thông tin:

A. An toàn thông tin là an toàn kỹ thuật cho các hoạt động của các cơ sở hạ tầng thông tin, trong đó bao gồm an toàn phần cứng và phần mềm theo các tiêu chuẩn kỹ thuật do Nhà nước ban hành; duy trì các tính chất bí mật, toàn vẹn, sẵn sàng của thông tin trong lưu trữ, xử lý và truyền dẫn trên mạng.

B. An toàn thông tin là sự bảo vệ thông tin và các hệ thống thông tin tránh bị truy nhập, sử dụng, tiết lộ, gián đoạn, sửa đổi hoặc phá hoại trái phép nhằm bảo đảm tính nguyên vẹn, tính bảo mật và tính khả dụng của thông tin.

C. An toàn thông tin là an toàn kỹ thuật cho các hoạt động duy trì các tính chất bí mật, toàn vẹn, sẵn sàng của thông tin trong lưu trữ, xử lý và truyền dẫn trên mạng

D. An toàn thông tin là sự bảo vệ thông tin, hệ thống thông tin trên mạng tránh sự truy cập, đánh cắp thông tin

Câu 2: Khái niệm An toàn thông tin mạng:

A. An toàn thông tin mạng là sự bảo vệ thông tin, hệ thống thông tin trên mạng tránh bị truy nhập, sử dụng, tiết lộ, gián đoạn, sửa đổi hoặc phá hoại trái phép nhằm bảo đảm tính nguyên vẹn, tính bảo mật và tính khả dụng của thông tin.

B. An toàn thông tin mạng là an toàn kỹ thuật cho các hoạt động của các cơ sở hạ tầng thông tin, trong đó bao gồm an toàn phần cứng và phần mềm theo các tiêu chuẩn kỹ thuật do Nhà nước ban hành.

C. An toàn thông tin mạng là sự bảo vệ thông tin, hệ thống thông tin trên mạng tránh bị truy nhập, sử dụng, tiết lộ, gián đoạn.

D. An toàn thông tin mạng là an toàn kỹ thuật cho các hoạt động duy trì các tính chất bí mật, toàn vẹn, sẵn sàng của thông tin trong lưu trữ, xử lý và truyền dẫn trên mạng.

Câu 3: Khái niệm an ninh mạng:

A. An ninh mạng là sự bảo đảm hoạt động trên không gian mạng không gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

B. An ninh mạng là sự bảo vệ thông tin, hệ thống thông tin trên mạng tránh bị truy nhập, sử dụng, tiết lộ, gián đoạn, sửa đổi hoặc phá hoại trái phép.

C. An ninh mạng là an toàn kỹ thuật cho các hoạt động duy trì các tính chất bí mật, toàn vẹn, sẵn sàng của thông tin trong lưu trữ, xử lý và truyền dẫn trên mạng.

D. An ninh mạng là sự bảo đảm hoạt động trên không gian mạng sẵn sàng của thông tin trong lưu trữ, xử lý và truyền dẫn trên mạng.

Câu 4: Theo Luật An ninh mạng năm 2018 thì vi phạm pháp luật trên không gian mạng gồm:

A. Lừa đảo; tấn công mạng; khủng bố mạng; gián điệp mạng.

B. Tội phạm mạng; tấn công mạng; khủng bố mạng.

C. Tội phạm mạng; tấn công mạng; khủng bố mạng; gián điệp mạng.

D. Tội phạm mạng; môi giới mại dâm qua mạng; khủng bố mạng; gián điệp mạng.

Câu 5: Một trong những nguyên tắc bảo vệ an ninh mạng:

A. Đấu tranh, làm thất bại mọi hoạt động sử dụng không gian mạng xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; sẵn sàng ngăn chặn các nguy cơ đe dọa an ninh mạng.

B. Chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh, làm thất bại mọi hoạt động sử dụng không gian mạng xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; sẵn sàng ngăn chặn các nguy cơ đe dọa an ninh mạng.

C. Chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn mọi hoạt động sử dụng không gian mạng xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; sẵn sàng ngăn chặn các nguy cơ đe dọa an ninh mạng.

D. Chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh, làm thất bại mọi hoạt động sử dụng không gian mạng để phạm tội hình sự, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; sẵn sàng ngăn chặn các nguy cơ đe dọa an ninh mạng.

Câu 6: Một trong những cuộc tấn công mạng nổi bật ở Việt Nam năm 2016:

A. Là cuộc tấn công mạng vào một số màn hình hiển thị thông tin chuyên bay tại khu vực làm thủ tục chuyên bay của các sân bay quốc tế.

B. Mã độc tống tiền (ransomware)

C. Tấn công vào trung tâm dữ liệu của VCCorp

D. Mã độc và Internet of Things (IoT)

Câu 7: Hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng?

A. Đăng tải các thông tin độc hại vi phạm an ninh quốc gia

B. Đăng tải các thông tin bán hàng

C. Đăng tải các thông tin quảng cáo

D. Chia sẻ thông tin hữu ích

Câu 8: Hình thức, thủ đoạn chiếm đoạt tài khoản mạng xã hội?

A. Hình thức Phishing

B. Kết bạn trên mạng xã hội

C. Chia sẻ bài viết

D. Xin tương tác

Câu 9: Điền vào dấu "...": Nội dung phòng chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là tham mưu, đề xuất với Nhà nước xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản "... về trật tự, an toàn giao thông.

- A. Nhà nước
- B. pháp luật
- C. hành chính
- D. chế tài

Câu 10: Chọn câu trả lời sai? An toàn thông tin là bảo đảm thông tin an toàn trên cả 3 phương diện:

- A. tính phổ biến
- B. tính nguyên vẹn
- C. tính bảo mật
- D. tính khả dụng

Câu 11: Tình hình an toàn thông tin mạng hiện nay diễn biến phức tạp ở chỗ kỹ thuật tấn công, hướng tấn công phức tạp, đa dạng hơn, công cụ tấn công được thiết kế:

- A. nhạy bén hơn
- B. chuẩn xác hơn
- C. công phu hơn
- D. đa dạng hơn

Câu 12: Điền vào dấu "...": Tình hình an toàn thông tin mạng hiện nay diễn biến phức tạp, kẻ tấn công nghiên cứu kỹ "... để có chiến lược tấn công phù hợp, gây hậu quả lớn nhất.

- A. các thiết bị
- B. các phương tiện
- C. về nạn nhân
- D. về tình hình

Câu 13: Điền vào dấu "...": Tình hình an toàn thông tin mạng hiện nay diễn biến phức tạp, chiến tranh mạng và đội quân ... mạng được chú trọng hơn.

- A. khủng bố
- B. tác chiến
- C. đánh chiếm
- D. kỹ thuật

Câu 14: Hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia là hệ thống thông tin khi bị sự cố, xâm nhập, chiếm quyền điều khiển, làm sai lệch, gián đoạn, ngưng trệ, tê liệt, tấn công hoặc phá hoại sẽ xâm phạm nghiêm trọng:

- A. thông tin liên lạc
- B. trật tự xã hội
- C. an ninh quốc gia
- D. bí mật quốc gia

Câu 15. Điền vào dấu "...": Tình hình an toàn thông tin mạng hiện nay diễn biến phức tạp, các tội phạm mạng có "..." xuất hiện ngày càng nhiều.

- A. vũ trang
- B. kỹ thuật
- C. bản lĩnh
- D. tổ chức

Câu 16: Hành vi nào sau đây không vi phạm pháp luật khi sử dụng không gian mạng?

- A. Thông tin sai sự thật gây hoang mang trong Nhân dân, gây thiệt hại cho hoạt động kinh tế - xã hội.
- B. Hoạt động mại dâm, tệ nạn xã hội, mua bán người; đăng tải thông tin dâm ô, đồi trụy, tội ác;
- C. Xúi giục, lôi kéo, kích động người khác phạm tội.
- D. Tổ chức quảng cáo, mua bán hàng hóa dân dụng.

Câu 17: Tội phạm mạng là?

- A. Là hành vi sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin, phương tiện điện tử để phá hoại, gây gián đoạn hoạt động của máy tính, mạng máy tính được quy định tại Bộ luật Hình sự

B. Là hành vi sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin hoặc phương tiện điện tử để thực hiện tội phạm được quy định tại Bộ luật Hình sự

C. Là việc sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin hoặc phương tiện điện tử để thực hiện hành vi khủng bố, tài trợ khủng bố

D. Là hành vi cố ý vượt qua cảnh báo, mã truy cập, mật mã, tường lửa, sử dụng quyền quản trị của người khác hoặc bằng phương thức khác để chiếm đoạt, thu thập trái phép thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân

Câu 18: Biện pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin:

A. Đặt một mật khẩu cho tất cả các tài khoản

B. Tạo thói quen quét virus

C. Luôn đăng tải các hoạt động cá nhân lên các trang mạng xã hội

D. Xài phần mềm crack

Câu 19: Mục tiêu lớn nhất thúc đẩy tin tặc hành động là gì?

A. Chính trị B. Tài chính

C. Thể hiện bản thân

D. Đánh cắp dữ liệu

Câu 20: Kịp thời cung cấp thông tin liên quan đến bảo vệ an ninh mạng, nguy cơ đe dọa an ninh mạng, hành vi xâm phạm an ninh mạng cho cơ quan có thẩm quyền, lực lượng bảo vệ an ninh mạng là nội dung:

A. Biện pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng không gian mạng

B. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng không gian mạng

C. Nguyên tắc của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng không gian mạng

D. Yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng không gian mạng

Câu 21: Chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh, làm thất bại mọi hoạt động sử dụng không gian mạng xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; sẵn sàng ngăn chặn các nguy cơ đe dọa an ninh mạng là nội dung:

A. Nguyên tắc bảo vệ an ninh mạng

B. Đặc điểm bảo vệ an ninh mạng

C. Yêu cầu bảo vệ an ninh mạng

D. Biện pháp bảo vệ an ninh mạng

Câu 22: Ngăn chặn, yêu cầu tạm ngừng, ngừng cung cấp thông tin mạng; đình chỉ, tạm đình chỉ các hoạt động thiết lập, cung cấp và sử dụng mạng viễn thông, mạng Internet, sản xuất và sử dụng thiết bị phát, thu phát sóng vô tuyến theo quy định của pháp luật là nội dung:

A. Nguyên tắc bảo vệ an ninh mạng

B. Hình thức bảo vệ an ninh mạng

C. Biện pháp bảo vệ an ninh mạng

D. Yêu cầu bảo vệ an ninh mạng

Câu 23: Thông tin trên không gian mạng có nội dung:” Xúc phạm dân tộc, quốc kỳ, quốc huy, quốc ca, vĩ nhân, lãnh tụ, danh nhân, anh hùng dân tộc”. Là nội dung vi phạm:

A. Thông tin trên không gian mạng có nội dung kích động gây bạo loạn, phá rối an ninh, gây rối TTCC

B. Thông tin trên không gian mạng có nội dung tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam

C. Thông tin trên không gian mạng có nội dung làm nhục, vu khống

D. Thông tin trên không gian mạng có nội dung xâm phạm trật tự quản lý kinh tế

Câu 24: Hành vi không vi phạm pháp luật trên không gian mạng:

A. Tổ chức đánh bạc, đánh bạc qua mạng internet.

B. Đăng tải thông tin trên không gian mạng có nội dung sai sự thật gây hoang mang trong nhân dân.

C. Xem thông tin công khai của người khác và không sử dụng thông tin đó khi chưa được phép.

D. Tuyên truyền, quảng cáo, mua bán hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục cấm theo quy định của pháp luật.

Câu 25: Người có hành vi vi phạm được quy định trong Luật An ninh mạng thì bị xử lý như thế nào?

A. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường

B. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị khiển trách, xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường

C. Nhẹ thì bị xử lý vi phạm hành chính, nặng thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường

D. Có thể bị buộc thôi việc, xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường

Câu 26: Cơ sở pháp lý để đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng:

A. Luật Bảo vệ bí mật nhà nước 2018; Luật An toàn thông tin mạng năm 2015; Luật An ninh mạng năm 2018.

B. Bộ luật Hình sự năm 2015; Luật An toàn thông tin mạng năm 2015; Luật An ninh mạng năm 2018.

A. Bộ luật Hình sự năm 2015; Luật An toàn thông tin mạng năm 2015; Bộ luật Dân sự 2015.

A. Bộ luật Hình sự năm 2015; Luật thông tin truyền thông; Luật An ninh mạng năm 2018.

Câu 27: Các đối tượng có hành vi chiếm đoạt tài khoản mạng xã hội thường nhằm mục đích:

A. Lừa đảo, chiếm đoạt tài sản; giải quyết mâu thuẫn cá nhân.

B. Thể hiện trình độ công nghệ thông tin của bản thân.

C. Lấy thông tin phục vụ lợi ích chung của cộng đồng.

D. Hạn chế người dùng sử dụng mạng xã hội.

Câu 28: Để không bị chiếm đoạt tài khoản xã hội, cá nhân người dùng mạng xã hội cần:

A. Không truy cập các link không tin cậy

B. Không sử dụng các mật khẩu đơn giản

C. Không cung cấp các thông tin trên mạng xã hội

D. Cả A, B, C

Câu 29: Để không bị chiếm quyền giám sát camera, cá nhân người dùng cần:

- A. Sử dụng dịch vụ cung cấp camera của các nhà cung cấp uy tín
- B. Đặt mật khẩu khó phát hiện, thường xuyên thay đổi mật khẩu
- C. Không đặt camera ở những khu vực nhạy cảm

D. Cả A, B, C

Câu 30: Mục đích của hành động tạo và lan truyền tin giả:

- A. Gây hoang mang dư luận, rối loạn xã hội.
- B. Lợi dụng thực hiện các âm mưu chính trị, làm mất niềm tin của người dân vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước.
- C. Cạnh tranh không lành mạnh gây bức xúc, tâm lý "tăng tương tác, tăng bán hàng"

D. Cả A, B, C

BÀI 7

AN NINH PHI TRUYỀN THÔNG

VÀ CÁC MỐI ĐE DỌA AN NINH PHI TRUYỀN THÔNG Ở VIỆT NAM

Câu 1: Một trong các đặc điểm của an ninh phi truyền thống?

- A. Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống gồm hai loại là có bạo lực và phi bạo lực.
- B. Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống chỉ có bạo lực.
- C. Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống chỉ có phi bạo lực.
- D. Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống không hình thành bạo lực và phi bạo lực.

Câu 2: Một trong các đặc điểm của an ninh phi truyền thống?

- A. Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống có xu hướng vận động, mở rộng, lan tràn trong phạm vi mỗi quốc gia.
- B. Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống có xu hướng vận động, mở rộng, lan tràn trong phạm vi một châu lục.
- C. Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống có xu hướng vận động, mở rộng, lan tràn xuyên quốc gia.
- D. Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống không có xu hướng vận động, mở rộng, lan tràn xuyên khu vực.

Câu 3: Một trong các đặc điểm của an ninh phi truyền thống?

- A. Mối đe dọa an ninh phi truyền thống đe dọa an ninh khu vực là chủ yếu.
- B. Mối đe dọa an ninh phi truyền thống đe dọa chủ yếu về an ninh quốc tế.
- C. Mối đe dọa an ninh phi truyền thống đe dọa an ninh trong phạm vi từng quốc gia.
- D. Mối đe dọa an ninh phi truyền thống đe dọa an ninh khu vực, an ninh quốc tế.

Câu 4: Một trong các đặc điểm của an ninh phi truyền thống?

- A. Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống có quan hệ, tác động, ảnh hưởng lẫn nhau với các mối đe dọa an ninh truyền thống.

B. Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống có quan hệ, tác động, ảnh hưởng lẫn nhau với các mối đe dọa an ninh khu vực.

C. Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống có quan hệ, tác động, ảnh hưởng lẫn nhau với các mối đe dọa an ninh quốc tế.

D. Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống có quan hệ, tác động, ảnh hưởng lẫn nhau với các mối đe dọa an ninh quốc phòng.

Câu 5: Một trong các đặc điểm của an ninh phi truyền thống?

A. Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống đa dạng về nguồn gốc, hình thành đột biến trong đời sống thế giới.

B. Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống đa dạng về nguồn gốc, có quá trình tích lũy tiềm tàng.

C. Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống có quá trình tích lũy tiềm tàng, có nguồn gốc duy nhất là từ an ninh truyền thống.

D. Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống đa dạng về nguồn gốc, có sự tích lũy nhanh chóng và bùng nổ mạnh mẽ.

Câu 6: Một trong các bối cảnh nảy sinh của an ninh phi truyền thống?

A. Sự biến đổi của cục diện khu vực sau chiến tranh lạnh.

B. Sự biến đổi của cục diện quốc tế trước chiến tranh lạnh.

C. Sự biến đổi của cục diện quốc tế sau chiến tranh lạnh.

D. Sự biến đổi của cục diện quốc tế trong chiến tranh lạnh

Câu 7: Một trong các bối cảnh nảy sinh của an ninh phi truyền thống?

A. Quá trình toàn cầu hóa diễn ra trên phạm vi rộng, tốc độ nhanh.

B. Quá trình toàn cầu hóa diễn ra tốc độ nhanh ở một số khu vực.

C. Quá trình toàn cầu hóa chưa diễn ra trên phạm vi rộng.

D. Quá trình toàn cầu hóa gặp những khó khăn, diễn ra tốc độ chậm.

Câu 8: Một trong các bối cảnh nảy sinh của an ninh phi truyền thống?

A. Các quốc gia tập trung nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội.

B. Các quốc gia tập trung nguồn lực phát triển quân sự.

C. Các quốc gia còn tư tưởng khép kín, không muốn mở rộng hợp tác để phát triển kinh tế xã hội.

D. Các quốc gia tập trung nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội và đẩy mạnh đầu tư cho quốc phòng an ninh.

Câu 9: Một trong các bối cảnh nảy sinh của an ninh phi truyền thống?

A. Khoa học và công nghệ chưa phát triển.

B. Khoa học và công nghệ phát triển.

C. Khoa học và công nghệ phát triển ở một số quốc gia phát triển.

D. Khoa học và công nghệ phát triển ở các nước tư bản.

Câu 10: Một trong các giải pháp ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam?

A. Nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống và an ninh truyền thống.

B. Nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống.

C. Nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và của toàn dân về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống.

D. Nâng cao nhận thức của toàn quân về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống.

Câu 11. Một trong các giải pháp ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam?

A. Tăng cường tiềm lực quốc gia, xây dựng nền tảng kinh tế - xã hội vững chắc, tập trung giải quyết các mâu thuẫn, xung đột xã hội.

B. Tăng cường tiềm lực quân sự của quốc gia, xây dựng nền tảng kinh tế - xã hội vững chắc.

C. Tăng cường tiềm lực quốc gia, tập trung giải quyết mạnh các mâu thuẫn, xung đột xã hội ra bên ngoài.

D. Tăng cường, đẩy mạnh tiềm lực quốc gia, xây dựng sức mạnh quân sự quốc gia vững chắc, tập trung giải quyết các mâu thuẫn, xung đột xã hội

Câu 12: Một trong các giải pháp ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam?

A. Tăng cường công tác nghiên cứu, đánh giá tình hình, dự báo kịp thời các mối đe dọa an ninh phi truyền thống.

B. Tăng cường công tác nghiên cứu, đánh giá tình hình, dự báo kịp thời các mối đe dọa an ninh phi truyền thống và an ninh truyền thống.

C. Tăng cường công tác nghiên cứu, đánh giá tình hình để dự báo các mối đe dọa an ninh phi truyền thống trên thế giới.

D. Tăng cường công tác nghiên cứu, đánh giá tình hình, dự báo các mối đe dọa an ninh phi truyền thống trong khu vực.

Câu 13: Một trong các giải pháp ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam?

A. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống và an ninh truyền thống.

B. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quân đội, công tác quản lý nhà nước trong ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống.

C. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quân đội, công tác quản lý nhà nước trong ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống và an ninh truyền thống.

D. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống.

Câu 14: Một trong các giải pháp ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam?

A. Phát huy các nguồn lực xã hội, tăng cường hợp tác quốc tế trong ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống và an ninh truyền thống.

B. Phát huy các nguồn lực xã hội, tăng cường hợp tác quốc tế trong ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống.

C. Phát huy các nguồn lực kinh tế - xã hội, tăng cường hợp tác quốc tế trong ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống.

D. Phát huy các nguồn lực xã hội trong ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống.

Câu 15: “ Lượng mưa có xu hướng biến động thất thường” là mối đe dọa an ninh phi truyền thống nào?

A. Mối đe dọa từ biến đổi khí hậu toàn cầu

B. Mối đe dọa từ an ninh kinh tế

C. Mối đe dọa từ an ninh xã hội

D. Mối đe dọa từ an ninh thông tin

Câu 16: “Năm 2016, mùa khô nhiều nơi ở miền Nam và miền Trung lượng nước thiếu 30 - 40%” là biểu hiện mối đe dọa an ninh phi truyền thống nào?

A. Mối đe dọa từ an ninh kinh tế

B. Mối đe dọa từ an ninh xã hội

C. Mối đe dọa từ biến đổi khí hậu toàn cầu

D. Mối đe dọa từ an ninh thông tin

Câu 17: “Từ sau năm 2007, kinh tế Việt Nam có sự bất ổn trong các biến số kinh tế vĩ mô” là biểu hiện mối đe dọa an ninh phi truyền thống nào?

A. Mối đe dọa từ an ninh kinh tế

B. Mối đe dọa từ biến đổi khí hậu toàn cầu

C. Mối đe dọa từ an ninh xã hội

D. Mối đe dọa từ an ninh thông tin

Câu 18: Đâu không phải là vấn đề an ninh phi truyền?

A. Biến đổi khí hậu, thảm họa thiên tai

B. Cạn kiệt tài nguyên

C. Ô nhiễm môi trường, dịch bệnh

C. Chiến tranh công nghệ cao

Câu 19: “Nạn khai thác tài nguyên khoáng sản trái phép” là biểu hiện mối đe dọa an ninh phi truyền thống nào?

A. Mối đe dọa từ an ninh môi trường

B. Mối đe dọa từ an ninh kinh tế

C. Mối đe dọa từ an ninh xã hội

D. Mối đe dọa từ an ninh thông tin

Câu 20: “Săn bắt, buôn bán, vận chuyển trái phép động, thực vật hoang dã, quý hiếm” là biểu hiện mối đe dọa an ninh phi truyền thống nào?

A. Mối đe dọa từ an ninh kinh tế

B. Mối đe dọa từ an ninh môi trường

C. Mối đe dọa từ an ninh xã hội

D. Mối đe dọa từ an ninh biến đổi khí hậu

Câu 21: Hiện nay, việc ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ xung đột và chiến tranh với nhiều quốc gia thực chất là ...

- A. Tranh giành quyền lực
- B. Ngăn chặn, đối phó với các thách thức ANPTT
- C. Ngăn chặn, đối phó với chạy đua vũ trang
- D. Lợi ích kinh tế

Câu 22: Đối với Việt Nam, nguy cơ xung đột và chiến tranh từ tác động của an ninh phi truyền thống có thể ...

- A. Ít xảy ra
- B. Sẽ xảy ra
- C. Không xảy ra
- D. Luôn xảy ra

Câu 23: “Với âm mưu lật đổ sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý xã hội của Nhà nước, các thế lực thù địch gia tăng các hoạt động kích động, các hoạt động khủng bố, tạo bất ổn trong đời sống xã hội” là mối đe dọa an ninh phi truyền thống nào?

- A. Mối đe dọa chủ nghĩa khủng bố
- B. Mối đe dọa vấn đề dân tộc
- C. Mối đe dọa vấn đề tôn giáo
- D. Mối đe dọa an toàn thông tin

Câu 24: “Dịch bệnh covid 19 bùng phát ra toàn thế giới” là loại hình an ninh phi truyền thống nào?

- A. Mối đe dọa an ninh môi trường.
- B. Mối đe dọa biến đổi khí hậu.
- C. Mối đe dọa an ninh tài chính tiền tệ.
- D. Mối đe dọa an ninh năng lượng.

Câu 25: Sự khác nhau giữa an ninh phi truyền thống với an ninh truyền thống?

- A. An ninh phi truyền thống có dấu hiệu đấu tranh quân sự.
- B. An ninh phi truyền thống không có dấu hiệu đấu tranh quân sự.
- C. An ninh phi truyền thống có dấu hiệu của tội phạm.
- D. An ninh phi truyền thống không có dấu hiệu tội phạm.

Câu 26: Sự khác nhau giữa an ninh phi truyền thống với an ninh truyền thống?

- A. An ninh truyền thống ra đời sau.
- B. An ninh phi truyền thống chỉ xuất hiện ở các nước xã hội chủ nghĩa.
- C. An ninh phi truyền thống ra đời sau.
- D. An ninh phi truyền thống chỉ xuất hiện ở các nước tư bản.

Câu 27: Chỉ ra mối đe dọa an ninh phi truyền thống có bạo lực:

- A. Khủng bố
- B. Biến đổi khí hậu
- C. Ô nhiễm môi trường
- D. An ninh kinh tế

Câu 28: An ninh truyền thống đồng nghĩa với:

- A. An ninh quốc phòng
- B. An ninh quốc gia
- C. An ninh chính trị
- D. An ninh văn hóa

Câu 29: An ninh truyền thống là gì?

A. Là an toàn, ổn định của đất nước trước các mối đe dọa hoặc tấn công quân sự từ bên ngoài; hay trước các mối đe dọa cả từ bên ngoài và bên trong - Nghĩa là các mối đe dọa đã có từ lâu đời.

B. Là an toàn, ổn định của đất nước trước các mối đe dọa hoặc tấn công quân sự từ bên ngoài; hay trước các mối đe dọa cả từ bên ngoài và bên trong - Nghĩa là các mối đe dọa mới xuất hiện trong thời gian gần đây.

C. Là an toàn, ổn định của đất nước trước các mối đe dọa hoặc tấn công ngoài phạm vi quân sự từ bên ngoài; hay trước các mối đe dọa cả từ bên ngoài và bên trong - Nghĩa là các mối đe dọa đã có từ lâu đời.

D. Là sự mất an toàn và không ổn định của đất nước trước các mối đe dọa hoặc tấn công quân sự từ bên ngoài; hay trước các mối đe dọa cả từ bên ngoài và bên trong - Nghĩa là các mối đe dọa đã có từ lâu đời.

Câu 30: An ninh phi truyền thống là gì?

A. An ninh phi truyền thống là sự an toàn, ổn định của đất nước trước các mối đe dọa xuất hiện trong lịch sử, tập trung vào vấn đề quân sự.

B. An ninh phi truyền thống là sự an toàn, ổn định của đất nước trước các mối đe dọa mới xuất hiện, diễn ra trong phạm vi của một quốc gia.

C. An ninh phi truyền thống là sự an toàn, ổn định của thế giới trước các mối đe dọa lâu đời, đe dọa sự tồn vong của loài người.

D. An ninh phi truyền thống là sự an toàn, ổn định của đất nước trước các mối đe dọa mới xuất hiện, hoặc mới trở thành xu hướng phổ biến trong những thập niên gần đây.